

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm số: 103/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP N1.

Địa chỉ: Số A T, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Sỹ N – Giám đốc Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh K. Ông Trương Sỹ N uỷ quyền lại cho ông Nguyễn Viết H – Tổ trưởng tổ xử lý nợ Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh K tham gia tố tụng; địa chỉ: Số A P, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. (Văn bản uỷ quyền ngày 10/3/2026).

- **Bị đơn:** Bà Đinh Thị Yến V, sinh năm 1988 và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1984. Địa chỉ cũ: Số A L, tổ G, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện cùng ở tại: Số C N, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền phải trả: Bà Đinh Thị Yến V và ông Nguyễn Văn C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N1 tổng số tiền tính đến ngày 26/6/2026 là: **4.636.340.055** đồng (*Bốn tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi nghìn không trăm năm mươi lăm đồng*). Trong đó: Tiền gốc: 4.440.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 173.596.217 đồng; tiền lãi quá hạn: 22.743.838 đồng và tiền lãi

phát sinh kể từ ngày 27/6/2026 cho đến khi trả hết số nợ trên theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Thời hạn trả nợ kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn trả nợ theo sự thỏa thuận nói trên mà bà Đinh Thị Yến V và ông Nguyễn Văn C không trả đúng hoặc trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP N1 thì bà Đinh Thị Yến V và ông Nguyễn Văn C đồng ý để cho cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 651; tờ bản đồ số 13, diện tích 300 m². Địa chỉ thửa đất: Thôn D, xã C, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là Thôn D, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 744519 do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 09/7/2021.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 652; tờ bản đồ số 13, diện tích 388,6 m². Địa chỉ thửa đất: Thôn D, xã C, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là Thôn D, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 830831 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 22/6/2022.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 865; tờ bản đồ số 13, diện tích 499,7 m². Địa chỉ thửa đất: Thôn D, xã C, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là Thôn D, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 830395 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 21/6/2022.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 570; tờ bản đồ số 17, diện tích 420 m². Địa chỉ thửa đất: Thôn D, xã C, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là Thôn D, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 977703 do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 07/3/2022.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 571; tờ bản đồ số 17, diện tích 602,7 m². Địa chỉ thửa đất: Thôn D, xã C, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là Thôn D, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 423486 do Ủy ban nhân dân thành phố K cấp ngày 24/12/2014.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 572; tờ bản đồ số 17, diện tích 529,7 m². Địa chỉ thửa đất: Thôn D, xã C, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là Thôn D, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 464373 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 26/01/2022.

Trường hợp số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP N1 thì bị đơn vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng và Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án đối với các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà V và ông C để thu hồi nợ.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Đinh Thị Yến V và ông Nguyễn Văn C chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Ngân hàng đã nộp tạm ứng nên bà Đinh Thị Yến V và ông Nguyễn Văn C trả lại cho Ngân hàng TMCP N1 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2.3. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Đinh Thị Yến V và ông Nguyễn Văn C chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.318.170 đồng (*Năm mươi sáu triệu, ba trăm mười tám nghìn, một trăm bảy mươi đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền 56.257.490 đồng (*Năm mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001665 ngày 17/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 7 – Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Tiến